TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3298/2024/LĐ-ST
Ngày: 23/7/2024
V/v: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hương Thủy

2. Ông Võ Văn Lợi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 60/2024/TLST-LĐ ngày 09/4/2024 về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3631/2024/QĐXXST–LĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4518/2024/QĐST-LĐ ngày 24/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Huy D, sinh năm: 1975

Địa chỉ: C N, ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: H Đường A, kp5, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sĩ N, sinh năm 1977

Địa chỉ: D khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và các bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 4/2014 đến tháng 01/2022, ông D có làm việc tại Công ty TNHH T nhưng do điều kiện sau bệnh dịch Covid -19 công ty không có đơn hàng nên Công ty bảo ông ở nhà khi nào có công việc sẽ gọi đi làm. Tuy nhiên, sau đó công ty không liên hệ thông báo cho ông đi làm và ông cũng không liên hệ được với Công ty. Nay do có nhu cầu tham gia bảo hiểm tự nguyện nhưng do còn vướng sổ bảo hiểm với Công ty TNHH T nên không thể thực hiện được do Công ty chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội.

Ông D có làm việc tại Công ty nhưng không cung cấp được hợp đồng lao động, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh mình làm việc cho công ty đến thời gian tháng 01/2022 nên ông D không yêu cầu công ty tiếp tục phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông đến tháng 01/2022.

Ông D đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty TNHH T phải chốt sổ bảo hiểm cho ông đến hết tháng 10/2019 (thời điểm Công ty đã đóng bảo hiểm). Trường hợp Công ty không thực hiện thì ông được liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện chốt sổ bảo hiểm theo quy định pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa nhưng không đến Tòa án và không cung cấp bản trình bày ý kiến nên không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tại Đơn khởi kiện ngày 04/3/2024, nguyên đơn là ông Trần Huy D khởi kiện Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty T) vụ án "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty T có trụ sở tại phường B, thành phố T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn là ông Trần Huy D yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019 thì tranh chấp về bảo hiểm xã hội không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải cơ sở, do đó ông D khởi kiện tại Tòa án không qua thủ tục hòa giải cơ sở là đúng quy định pháp luật.

[4] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng đại diện hợp pháp vắng mặt không có lý do; ông D có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Đơn khởi kiện, ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của ông D thì ông không cung cấp được Hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty T cũng như không cung cấp được bảng lương. Bị đơn không đến Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp động lao động được ký kết giữa hai bên. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại Bảo hiểm xã hội thành phố T thể hiện ông Trần Huy D có quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2014 đến hết tháng 10/2019 tại Công ty TNHH T. Do đó, ý kiến trình bày của ông D về việc có mối quan hệ lao động với Công ty T là đúng sự thật.

Ông D cho rằng tại thời điểm tháng 01/2022 ông mới nghỉ việc tại Công ty T nhưng do ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và ông cũng chỉ có nhu cầu chốt sổ bảo hiểm để tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện nên không có yêu cầu Công ty T tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông đến tháng 01/2022, đây là ý chí tự nguyện của ông D. Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH T phải chốt sổ bảo hiểm cho ông đến hết tháng 10/2019. Trường hợp Công ty không thực hiện thì ông được liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện chốt sổ bảo hiểm theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ phản đối việc ông D trình bày đã nghỉ việc tại Công ty. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định giữa ông D và Công ty T trên thực tế đã chấm dứt quan hệ lao động với nhau.

Tại Công văn số 2071/BHXH-TST ngày 10/5/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố T cung cấp thông tin Công ty TNHH T chưa thực hiện báo giảm, chưa chốt sổ đối với ông Trần Huy D và đã đóng bảo hiểm đến hết tháng 10/2019. Ông D cũng có ý chí tự nguyện xác định chỉ yêu cầu Công ty T chốt sổ bảo hiểm cho ông đến hết thời điểm tháng 10/2019. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông đến tại

thời điểm hết tháng 10/2019, trường hợp Công ty không thực hiện thì ông được liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện chốt sổ bảo hiểm với Công ty TNHH T H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2019 và khoản 1 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông D không phải chịu tiền án phí. Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí không có giá ngạch về yêu cầu chốt sổ bảo hiểm cho ông D.

Tại thời điểm khởi kiện ông D thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Khoản 1 Điều 21 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Huy D:

- Buộc Công ty TNHH T phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Trần Huy D đến tại thời điểm hết tháng 10/2019. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty không thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông D thì ông được liên hệ với C có thẩm quyền để thực hiện chốt sổ bảo hiểm với Công ty TNHH T theo quy định pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương